

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2011

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm 2011	Quý II Năm 2010
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	154.113.976.308	129.730.955.191
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		154.113.976.308	129.730.955.191
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	97.531.575.460	76.011.277.251
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		56.582.400.848	53.719.677.940
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	3.888.837.883	3.498.859.171
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	235.927.048	79.262.717
8. Chi phí bán hàng	24		12.204.358.151	11.583.151.051
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.571.401.910	5.896.494.790
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		42.459.551.622	39.659.628.553
11. Thu nhập khác	31		757.168.043	160.080.623
12. Chi phí khác	32		237.809.268	53.654.475
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		519.358.775	106.426.148
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.978.910.397	39.766.054.701
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	11.899.280.222	5.326.787.113
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	163.765.815	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.915.864.360	34.439.267.588
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.927	3.065

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Tâm



Lục Thanh Sang



Trần Đình Hải